



**PHỤ LỤC CÔNG NHẬN**  
**ACCREDITATION SCHEDULE**

(Kèm theo quyết định số: /QĐ-VPCNCLQG ngày tháng 01 năm 2026  
của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia)

**TÊN TỔ CHỨC/ Organisation**

Tiếng Việt/ in Vietnamese: CÔNG TY TNHH NATURECERT

Tiếng Anh/ in English: NATURECERT COMPANY LIMITED

**SỐ HIỆU CÔNG NHẬN/ Accreditation Number: VICAS 089 – GHG**

**ĐỊA CHỈ ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Location Covered by Accreditation**

Trụ sở chính/ Head office:

Số 100 đường Trần Phú, Phường Phước Hậu, Tỉnh Vĩnh Long

No. 100, Tran Phu Road, Phuoc Hau Ward, Vinh Long province

Địa chỉ văn phòng/ Office address:

3B.49, Khối 3, Chung cư Sky 9, 61 – 63 Đường số 1, Khu phố 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

3B.49, block 3, Sky 9 Apartment, 61 – 63 Road 1, Quarter 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh city, Vietnam

Tel: 0932023406

Website: [www.naturecert.org](http://www.naturecert.org)

**CHUẨN MỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation Standards**

– ISO/IEC 17029:2019

– ISO 14065:2020; **ISO 14066:2023 (a)** ; ISO 14064-3:2019

**HIỆU LỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation period**

Từ/ from 01/2026 đến/ to 19/11/2029



**PHỤ LỤC CÔNG NHẬN**  
**ACCREDITATION SCHEDULE**

**PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ *Scope of Accreditation***

Thẩm tra khí nhà kính cho các cấp độ và lĩnh vực sau/ *Verification of greenhouse gas for the levels and sectors as follow:*

| Hoạt động/<br>Activity                                       | Lĩnh vực/ Sector                                                                                                                                                                                             | Tiêu chuẩn/<br>Standard |
|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| Thẩm tra ở<br>cấp độ tổ chức<br>Organization<br>verification | Sản xuất chung (biến đổi vật lý hoặc hóa học của vật liệu hoặc vật chất thành sản phẩm mới)/ <i>General Manufacturing (physical or chemical transformation of materials or substances into new products)</i> | ISO 14064-<br>1:2018    |

Ghi chú/ *Note:*

(a) : Cập nhật phiên bản tiêu chuẩn (tháng 1/2026)/ *Update standard version (January 2026).*

Trường hợp Công ty TNHH NatureCert cung cấp dịch vụ thẩm tra thì Công ty phải tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan khi cung cấp dịch vụ này/ *In case NatureCert Company Limited provides verification services, the Company shall comply with relevant legal regulations when providing the services.*